Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 HUYỆN ĐẠI LỘC

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
	Tổng cộng	**1.034,60**	**19,32**	**1.015,28**	**148,72**	**22,33**	**116,25**	**70,31**	**2,43**	**414,03**	**0,11**	**1,50**	**0,11**	**0,17**	**1,27**	**9,25**	**0,04**	**1,22**	**2,30**	**0,27**	**10,24**	**10,41**	**46,31**	**1,39**	**0,35**	**6,49**	**5,32**	**140,83**	**3,63**								
I	**Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**	**16,32**		**16,32**	**0,78**		**1,00**	**0,59**	**2,43**	**9,69**												**0,63**						**1,20**									
1.1.	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**	**11,45**		**11,45**	**0,36**				**2,00**	**9,09**																											
CQP	**Đất quốc phòng**	**11,09**		**11,09**					**2,00**	**9,09**																											
1	Trường bắn thao trường huấn luyện LLVT huyện Đại Lộc (Tên 2022: Thao Trường Ban CHQS huyện: 15,00 ha)	5,00		5,00						5,00																				Đại Hiệp		Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	Ban QL dự án và TTXD			chuyển từ 2019, 2021, 2022
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng (ngoài ra có thu hồi 1,995 ha đất rừng phòng hộ nhưng không chuyển mục đích sử dụng)	6,09		6,09					2,00	4,09																				Đại Hồng		Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh				NQ 37 ngày 17/9/2020, phê duyệt 1,02 RPH	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
CAN	**Đất an ninh**	**0,36**		**0,36**	**0,36**																																
3	Trụ sở công an xã Đại Lãnh	0,16		0,16	0,16																									Đại Lãnh		Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách nhà nước			NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
4	Trụ sở công an xã Đại Hưng	0,20		0,20	0,20																									Đại Hưng		Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	Ngân sách nhà nước			NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
1.2.	**Công trình dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**	**4,87**		**4,87**	**0,42**		**1,00**	**0,59**	**0,43**	**0,60**												**0,63**						**1,20**									
1.2.1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**																																				
1.2.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**	**4,87**		**4,87**	**0,42**		**1,00**	**0,59**	**0,43**	**0,60**												**0,63**						**1,20**									
5	Đường dây 500Kv Quảng Trạch - Dốc Sỏi và trạm lập quang đoạn qua địa phận huyện Đại Lộc	4,87		4,87	0,42		1,00	0,59	0,43	0,60												0,63						**1,20**		Đại Thạnh; Đại Phong; Đại Chánh; Đại Tân; Đại Nghĩa		QĐ 2025/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia		NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
II	**Các công trình, dự án còn lại**	**1.007,51**	**9,11**	**998,40**	**147,94**	**22,33**	**115,25**	**69,72**		**404,34**	**0,11**	**1,50**	**0,11**	**0,17**	**1,27**	**9,25**	**0,04**	**1,22**	**2,30**	**0,27**	**10,24**	**9,78**	**46,31**	**1,39**	**0,35**	**6,49**	**5,32**	**139,07**	**3,63**								
2.1.	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**	**574,56**	**9,11**	**565,45**	**146,50**	**21,49**	**101,01**	**51,43**		**122,04**	**0,11**	**1,50**	**0,11**	**0,17**	**1,27**	**9,25**	**0,04**	**1,22**	**1,00**		**10,24**	**9,21**	**46,31**	**1,39**	**0,35**	**6,49**	**5,32**	**26,43**	**2,57**								

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
2.1.1.	**Dự án thuộc ngân sách Nhà nước**	**168,53**	**5,28**	**163,25**	**48,04**	**2,48**	**21,02**	**24,87**		**29,36**		**1,50**	**0,11**	**0,17**	**1,27**	**5,80**		**0,12**	**1,00**		**1,02**	**7,71**	**3,17**	**0,88**		**6,48**		**7,25**	**1,00**								
SKN	**Đất cụm công nghiệp**	**24,63**	**1,48**	**23,15**	**8,30**					**13,90**																		**0,95**									
6	Mương thoát nước dọc CCN Ấp 5 (Cụm công nghiệp Ấp 5)	1,50		1,50	1,20					0,30																				Đại Quang; Đại Nghĩa		Quyết định 216/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND huyện Đại Lộc về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
7	Xây dựng gia cố bờ bao khu vực đất cây xanh, mặt nước của CCN (hồ điều hòa) và đoạn mương dẫn thoát nước ra Bầu Mưng	0,50		0,50	0,10					0,40																				Đại Đồng		Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện Phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND huyện Đại Lộc về việc cấp kinh phí cho Trung tâm phát triển CCN TM&DV huyện Đại Lộc	Ngân sách nhà nước	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
8	Hạ tầng CCN và thu hút đầu tư CCN Tân Chánh (Đại Chánh 2) giai đoạn 2	20,20		20,20	7,00					13,20																				Đại Tân; Đại Chánh		Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập CCN Tân Chánh, xã Đại Tân và xã Đại Chánh và Thông báo số 374/TB-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam; Công văn số 1852/SXD-PQH ngày 09/11/2022 của Sở Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Tân Chánh, xã Đại Tân – Đại Chánh		TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		Chuyển tiếp từ 2021
9	CCN Đại Hiệp: Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư CCN (0,95ha)	0,95		0,95																								0,95		Đại Hiệp		QĐ 115/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh thành lập CCN Đại Hiệp		TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		Chuyển tiếp năm 2021
10	CCN Mỹ An 2: Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư	1,48	1,48																											Đại Quang		QĐ 2734/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp Mỹ An 2, xã Đại Quang	Cụm công nghiệp Mỹ An 2, xã Đại Quang Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư; các doanh nghiệp khác	Cụm công nghiệp Mỹ An 2, xã Đại Quang Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư; các doanh nghiệp khác	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
DGT	**Đất giao thông**	**70,30**	**0,20**	**70,10**	**13,09**	**2,05**	**12,53**	**8,66**		**11,69**		**1,50**	**0,11**	**0,17**	**0,27**	**5,77**		**0,04**			**1,02**	**5,54**	**2,71**	**0,43**		**0,59**		**2,93**	**1,00**								
11	Tuyến đường tránh phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	5,80		5,80	4,50																		1,30							Thị trấn Ái Nghĩa	Tờ bản đồ 03,10/1, 11	NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc; NQ số 33/NQ-HĐND ngày 29/5/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Đại Lộc; QĐ 14/QĐ-HDDND 21/3/2019 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách nhà nước	BQL DỰ ÁN ĐTXD ĐẠI LỘC	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 73 ngày 8/12/2020	chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
12	Đường giao thông từ ĐH3.ĐL (Đại An) đi trung tâm hành chính huyện	4,62		4,62	1,00			1,00													1,02	1,00	0,60								Đại An; Thị trấn Ái Nghĩa		NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc; Quyết định đầu tư số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh; Nghị Quyết 19/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	BQL DỰ ÁN ĐTXD ĐẠI LỘC	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
13	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 609 (hạng mục cầu Hà Tân, cầu Lộc Mỹ, cầu Ba Khe 1, 2, 3 và phân đoạn Km 20+960 – Km24+750)	4,00		4,00	0,50							1,50										2,00								Đại Quang, Đại Đồng, Đại Lãnh		Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh	BQL dự án ĐTXD tỉnh	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
14	Dự án Cầu Hội Khách – Tân Đợi: hạng mục thu hồi bổ sung và khu tái định cư	1,50		1,50		0,30	1,20																							Đại Sơn		Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu Hội Khách – Tân Đợi, huyện Đại Lộc; NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc	Ngân sách nhà nước	UBND huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
15	Dự án Đường ĐH10.ĐL nối dài xã Đại Tân	0,35		0,35	0,30		0,02	0,02														0,01								Đại Tân		Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND huyện Đại Lộc phê duyệt chủ trương xây dựng cầu Trà Đức và tuyến đường ĐH10; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc; Kinh phí tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 5/7/2021	Ngân sách tỉnh	BQL DA và TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
16	Đường nối Quốc lộ 14H đến ĐT.609C	2,59		2,59	0,70		1,00	0,89																						Đại Thắng		Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương; (Công văn số 181/HĐND-VP ngày 06/8/2021)	Ngân sách tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
17	Đường nối từ ĐT.609C đến Quốc lộ 14B	9,72		9,72	3,12		2,00	1,50														1,00						2,10		Đại Minh; Đại		QĐ 3507/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt điều	Ngân sách tỉnh	Ban QLDA ĐTXD	NQ 68/NQ-HĐND	NQ 53/NQ-HĐND	Chuyển tiếp từ 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																														Quang; Đại Phong		chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Đường nối từ ĐT.609C đến Quốc lộ 14B, huyện Đại Lộc; Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Phụ lục 5		các CTGT tỉnh Quảng Nam	ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	ngày 22/7/2021	
18	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	6,08		6,08	2,97	1,55	1,56																							Đại Hòa		Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, phụ lục 02	Ngân sách tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
19	Dự án Nâng cấp mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điềm - A Sờ	9,19		9,19			2,00	2,00		4,19																			1,00	Đại Hưng		Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, Phụ lục 15	Ngân sách tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
20	Tuyến đường nối từ QL14B (nút giao N03) đến khu vực Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam	1,50	0,20	1,30						0,50												0,07						0,73		Đại Hiệp; Thị trấn Ái Nghĩa		QĐ 60/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND huyện Đại Lộc cấp kinh phí cho Ban quản lý dự án và trật tự xây dựng huyện; Công văn số 4183/UBND-KTN ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tuyến đường nối từ Quốc lộ 14B (nút giao N03) đến khu vực Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam; QĐ 1339/QĐ-UBND ngày 1/9/2021 phê duyệt đầu tư xây dựng	Nguồn sự nghiệp kinh tế	BQL dự án và TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022
21	Cầu trên tuyến đường ĐH5.ĐL tại Km3+500 (Cầu Khe Đá)	0,92		0,92				0,92																						Đại Thắng; Đại Chánh		QĐ 3185/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam vv bổ sung vốn năm 2022 thực hiện đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 -2025; QĐ 903/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đại Lộc về phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) trên địa bàn huyện Đại Lộc, đợt 2; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND huyện phê duyệt điều chỉnh	Ngân sách nhà nước	BQLDA& TTXD huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																quy mô công trình Kiên cố hóa hệ thống đường huyện đợt 1 và phê duyệt danh mục, khối lượng các công trình kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, đợt 2						
22	Đường giao thông nông thôn tuyến Phiếm Ái 1 - Phiếm Ái 2	0,90		0,90		0,20		0,05								0,15						0,40						0,10		Đại Nghĩa		Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020	Ngân sách xã	UBND xã Đại Nghĩa	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
23	Cầu Trà Đức và tuyến đường ĐH 10.ĐL	0,17		0,17				0,11														0,06								Đại Tân		Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đại Lộc về Phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình Cầu Trà Đức và tuyến đường ĐH10.ĐL, hạng mục: Cầu, nền mặt đường và cống thoát nước tại xã Đại Tân, huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	BQL DA TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
24	Nâng cấp, mở rộng đường dẫn từ cầu Tân Đợi đến ĐT609 huyện Đại Lộc	12,00		12,00						7,00						4,00						1,00								Đại Lãnh; Đại Sơn		Nghị quyết sô 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
25	Đường từ ĐT609B nối ĐT609 đến trung tâm hành chính huyện	2,10		2,10			0,09	0,30								1,40							0,31							Thị trấn Ái Nghĩa		Nghị quyết sô 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
26	Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa	8,82		8,82			4,66	1,87					0,11	0,17	0,27	0,22							0,50	0,43		0,59				Thị trấn Ái Nghĩa		Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, biểu số 10 trang 67	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		Có qh 2030
27	Mở mới tuyến đường GTNT Trường An (NVH thôn)	0,04		0,04														0,04												Đại Quang		Quyết định số 1119/QĐ-UBND, ngày 29/11/2019 của UBND huyện Đại Lộc phê duyệt báo cáo KT-KT với tổng mức đầu tư là: 44.004.000đ	Ngân sách huyện		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
DNL	**Đất năng lượng**	**4,44**		**4,44**	**0,21**		**0,08**	**0,51**		**3,57**						**0,03**												**0,04**									
28	Công trình Đường dây 220KV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên, địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	4,44		4,44	0,21		0,08	0,51		3,57						0,03												0,04		Đại Sơn; Đại Hồng; Đại Phong; Đại Tân; Đại Thắng		Quyết định số 6799/QĐ-BCT ngày 23/12/2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt "Quy hoạch phát triển điện lực vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2025); Văn bản số 3657/UBND-KTN ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thỏa thuận vị trí TBA 220kV Duy Xuyên, hướng tuyến đường dây đấu nối và đường dây 220kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 810/UBND-KTN ngày 09/2/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thỏa thuận điều chỉnh vị trí TBA 220kV Duy Xuyên, hướng tuyến đường dây đấu nối và đường	Vốn tự có và huy động của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																dây 220kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên (đoạn vào trạm)					
DTL	**Đất thủy lợi**	**7,20**	**3,60**	**3,60**	**3,60**																																
29	Kiên cố hóa kênh tưới hồ chứa nước Trà Cân, xã Đại Hiệp	7,20	3,60	3,60	3,60																									Đại Hiệp		NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc; NQ 13/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện Đại Lộc quyết định chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Có qh 2030 nhưng chỉ tiêu 2609 phân bổ ko đủ
DCH	**Đất chợ**	**0,38**		**0,38**		**0,38**																															
30	Chợ Hội Khách	0,38		0,38		0,38																								Đại Sơn		Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
DYT	**Đất y tế**	**0,20**		**0,20**	**0,07**	**0,03**	**0,10**																														
31	Trạm Y tế xã Đại Chánh	0,10		0,10	0,07	0,03																								Đại Chánh	Tờ 14, thửa 737	Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 2/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
32	Trạm Y tế xã Đại Hòa	0,10		0,10			0,10																							Đại Hòa		Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 2/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
DSH	**Đất sinh hoạt cộng đồng**	**0,20**		**0,20**	**0,10**			**0,10**																													
33	Khu văn hoá thôn Khương Mỹ	0,10		0,10				0,10																						Đại Cường		QĐ 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam			NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
34	Mở rộng KVH thôn Thanh Vân	0,10		0,10	0,10																									Đại Cường		QĐ 2138/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam			NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
NTD	**Đất nghĩa trang, nghĩa địa**	**7,00**		**7,00**				**7,00**																													
35	Nghĩa trang nhân dân Hóc Do	7,00		7,00				7,00																						Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình	Ngân sách nhà nước	UBND thị trấn Ái Nghĩa	NQ 68/NQ-HĐND		chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																phát triển đô thị thị trấn Ái Nghĩa giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu nghĩa trang nhân dân Hóc Do tại khu Hòa An thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam			ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		
TSC	**Đất trụ sở cơ quan**	**2,92**		**2,92**											**1,00**								**0,06**					**1,86**									
36	Nhà làm việc HĐND và UBND huyện Đại Lộc	2,02		2,02											1,00													1,02		Thị trấn Ái Nghĩa		NQ 12/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện Đại Lộc QĐ CTĐT dự án ; NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
37	Trụ sở làm việc Huyện ủy Đại Lộc	0,90		0,90																			0,06					0,84		Thị trấn Ái Nghĩa		HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 66 /NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc	Ngân sách tỉnh và huyện	BQL DA và TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022
ODT	**Đất ở đô thị**	**20,75**		**20,75**	**14,80**		**4,00**	**0,40**										**0,08**	**1,00**				**0,40**					**0,07**									
38	Khu dân cư chỉnh trang (04 vị trí: Khu đất trống bên cạnh trụ sở làm việc của các hội quần chúng, Khu đất trống bên cạnh bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, Khu đất trống bên cạnh Đội quản lý thị trường số 7, Trường bổ túc Thị trấn cũ)	0,15		0,15														0,08										0,07		Thị trấn Ái Nghĩa	bản đồ kh	Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND huyện Đại Lộc về việc phê duyệt Phương án chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
39	Khu tái định cư kết hợp khai thác quỹ đất dọc tuyến đường tránh phía Tây Ái Nghĩa	4,80		4,80	4,80																									Thị trấn Ái Nghĩa	bản đồ kh	NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	chuyển tiếp từ 2022
40	Khu tái định cư phục vụ công trình Đường tránh phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	1,00		1,00	1,00																									Thị trấn Ái Nghĩa		NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc; Kết luận số 268/TB-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện; Quyết định 2612/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường tránh phía Tây Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
41	Khu tái định cư kết hợp khai thác quỹ đất phục vụ công trình đường giao thông từ ĐH3.ĐL (xã Đại An) đi trung tâm hành chính huyện Đại Lộc	4,80		4,80			4,00	0,40															0,40							Thị trấn Ái Nghĩa		Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 23/5/2022 của HĐND huyện Đại Lộc vv thông qua nhiệm vụ lập đồ án chi tiết 1/500; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai trong năm 2022 của huyện Đại Lộc; Ngân sách huyện ứng vốn nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển tỉnh theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 28/01/2022.	Ngân sách huyện ứng vốn nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển tỉnh theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 28/01/2022.	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 phê duyệt với tên: Khu tái định cư kết hợp khai thác quỹ đất phục vụ công trình đường từ trung tâm hành chính huyện đi các xã ven sông Vu Gia (ĐH3) tại TT Ái Nghĩa, sử dụng 4,00 LUC		
42	Khu đô thị kết hợp Thương mại - dịch vụ Ái Nghĩa	10,00		10,00	9,00														1,00											Thị trấn Ái Nghĩa		Nghị quyết sô 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Theo Công văn số 2824/UBND-KTTH ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
ONT	**Đất ở nông thôn**	**30,51**		**30,51**	**7,87**	**0,02**	**4,31**	**8,20**		**0,20**												**2,17**		**0,45**		**5,89**		**1,40**									
43	Khu dân cư chỉnh trang	0,17		0,17			0,17																							Đại Đồng		Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND huyện Đại Lộc về việc phê duyệt Phương án chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
44	Mở rộng khu dân cư làng Yều	1,20		1,20			1,00			0,20																				Đại Hưng		NQ 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 đầu tư công 2021 - 2025 huyện Đại Lộc; QĐ 3220/QĐ-UBND 05/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách tỉnh, huyện	UBND huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
45	Khu tái định cư thôn Mỹ Hào	0,60		0,60			0,60																							Đại Phong		NQ 84/NQ-HĐND 9/7/2019 của HĐND huyện vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; QĐ 17/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam vv giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án khắc phục thiệt hại do thiên tai từ nguồn ngân sách Trung ương năm 2020	Ngân sách TW và huyện	BQL DA và TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		chuyển từ 2019, 2021, 2022
46	Khu dân cư chỉnh trang (02 vị trí: Trạm bảo vệ thực vật tại thôn Hòa Thạch, Trạm Thú y tại thôn Phú Hương)	0,45		0,45																				0,45						Đại Quang		Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của UBND huyện Đại Lộc về việc phê duyệt Phương án chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
47	Khu dân cư nông thôn mới xã Đại Hiệp	3,41		3,41	0,87			1,02														1,52								Đại Hiệp	bản đồ kh	Công văn số 6132/UBND-TCKH ngày 01/11/2021 của UBND thống nhất chủ trương giao nhiệm vụ cho các cơ quan đơn vị làm chủ đầu tư và lập thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện vay quỹ đầu tư phát triển tỉnh	BQL DA và TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	chuyển tiếp từ 2022
48	Khu dân cư nông thôn mới xã Đại Đồng	4,22		4,22				4,22																						Đại Đồng	bản đồ kh	Công văn số 6132/UBND-TCKH ngày 01/11/2021 của UBND thống nhất chủ trương giao nhiệm vụ cho các cơ quan đơn vị làm chủ đầu tư và lập thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022
49	Khu tái định cư phục vụ công trình đường giao thông từ ĐH 3.ĐL (Đại An) đi trung tâm hành chính huyện (kể cả vị trí xen cư)	0,85		0,85	0,80		0,05																							Đại An		Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông từ ĐH 3.ĐL (Đại An) đi trung tâm hành chính huyện Đại Lộc; Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam; Thông báo Kết luận số 228/TB-UBND ngày	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																04/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện					
50	Khu tái định cư phục vụ thi công công trình Đường nối ĐT609C đến QL14B - tại xã Đại Minh	0,90		0,90			0,90																							Đại Minh		Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ ĐT 609C đi Quốc lộ 14B, huyện Đại Lộc; Thông báo Kết luận số 228/TB-UBND ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện	Ngân sách nhà nước		NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
51	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp bố trí tái định cư Bầu Dài	9,21		9,21			0,36	2,96																		5,89				Đại Minh		Công văn số 6132/UBND-TCKH ngày 01/11/2021 của UBND thống nhất chủ trương giao nhiệm vụ cho các cơ quan đơn vị làm chủ đầu tư và lập thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc; NQ 144/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện Đại Lộc về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai bổ sung trong năm 2021 của huyện Đại Lộc			NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 (0,36 LUC)	
52	Khu tái định cư phục vụ thi công công trình Đường nối ĐT609C đến QL14B - tại xã Đại Quang	0,50		0,50	0,50																									Đại Quang		Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ ĐT 609C đi Quốc lộ 14B, huyện Đại Lộc; Thông báo Kết luận số 228/TB-UBND ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện	Ngân sách nhà nước	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
53	Khu dân cư nông thôn mới xã Đại Quang	4,80		4,80	3,40		0,90															0,50								Đại Quang		Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai trong năm 2022 của huyện Đại Lộc; Ngân sách huyện ứng vốn nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển tỉnh theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Ngân sách nhà nước	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
54	Khu Tái định cư vùng sạt lở Đại Hồng	1,50		1,50																		0,10						1,40		Đại Hồng		Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai trong năm 2022 của huyện Đại Lộc; Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện	Ngân sách nhà nước	BQLDA&TTXD huyện	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
55	Dự án cầu Trà Đức; hạng mục bố trí ái định cư	0,07		0,07		0,02																0,05								Đại Tân		Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đại Lộc về Phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình Cầu Trà Đức và tuyến đường ĐH10.ĐL, hạng mục: Cầu, nền mặt đường và cống thoát nước tại xã Đại Tân, huyện Đại Lộc	Ngân sách huyện	BQL DA TTXD	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	NQ 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	chuyển tiếp từ 2021
56	Khu đất bố trí xen ghép phục vụ thi công công trình đường giao thông từ ĐH 3.ĐL(Đại An) đến trung tâm hành chính huyện	0,13		0,13			0,13																							Đại An		Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam	Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam. - Thông báo Kết luận số 228/TB-UBND ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện	TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
57	Khu tái định cư phục vụ công trình Đường nối Quốc lộ 14H đến ĐT.609C, huyện Đại Lộc và huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam tại xã Đại Thắng	0,90		0,90	0,70		0,20																							Đại Thắng		Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối Quốc lộ 14H đến ĐT.609C, huyện Đại Lộc và huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; Thông báo số 294/TB-UBND ngày 02/6/2022 của UBND huyện Đại Lộc về Kết luận của Chủ tịch UBND huyện – Lê Văn Quang tại cuộc họp giao ban với các Phó Chủ tịch UBND huyện ngày 01/6/2022; Thông báo số 324/TB-UBND ngày 20/6/2022 của UBND huyện Đại Lộc về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND huyện – Đoàn Ngọc Quang tại cuộc họp bàn công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện và triển khai các khu tái định cư phục vụ thi công các công trình		TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
58	Khu dân cư phía đông trung tâm xã Đại Hưng	1,60		1,60	1,60																									Đại Hưng		Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND huyện Đại Lộc phê duyệt phương án dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn trên địa bàn		TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022		
2.1.2.	**Dự án ngoài ngân sách Nhà nước**	**406,03**	**3,83**	**402,20**	**98,46**	**19,01**	**79,99**	**26,56**		**92,68**	**0,11**					**3,45**	**0,04**	**1,10**			**9,22**	**1,50**	**43,14**	**0,51**	**0,35**	**0,01**	**5,32**	**19,18**	**1,57**								
NTD	**Đất làm nghĩa trang nghĩa địa**	**21,10**		**21,10**						**21,10**																											
59	Nghĩa trang nhân dân tại xã Đại Hiệp và nghĩa trang công viên Vĩnh Hằng	21,10		21,10						21,10																				Đại Hiệp		QĐ 2037/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt danh mục dự án tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo tiêu chí	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Thuận Thiên	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Thuận Thiên	NQ 68 NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
TON	**Đất tôn giáo**	**0,15**		**0,15**			**0,05**															**0,10**															
60	Mở rộng chùa Phổ Minh	0,15		0,15			0,05															0,10								Đại Hòa		Công văn số 2789/UBND-KTN ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về việc địa điểm mở rộng khuôn viên Chùa Phổ Minh tại xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc	Chùa Phổ Minh	Chùa Phổ Minh	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
ONT	**Đất ở nông thôn**	**9,85**		**9,85**	**2,40**		**3,80**	**0,09**										**1,10**				**0,71**						**1,75**									
61	Khu phố chợ Đại An	9,85		9,85	2,40		3,80	0,09										1,10				0,71						1,75		Đại An		QĐ 3264/QĐ-UBND 09/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam Về việc điều chỉnh tên gọi Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 2/2021; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 và Quyết định số 2198/QĐUBND ngày 24/7/2018 của UBND huyện Đại Lộc về phê duyệt hồ sơ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đại An, huyện Đại Lộc	đấu giá, NNS	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
ODT	**Đất ở đô thị**	**243,90**	**0,13**	**243,77**	**78,45**	**19,01**	**65,37**	**7,09**		**0,85**						**3,45**					**8,97**		**43,14**	**0,51**	**0,35**	**0,01**	**5,32**	**9,68**	**1,57**								
63	Khu đô thị sinh thái ven sông Vu Gia tại Khu 7 TT Ái Nghĩa	28,70		28,70			19,20									0,73					3,58		5,18			0,01				Thị trấn Ái Nghĩa		QĐ 3264/QĐ-UBND 09/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam Về việc điều chỉnh tên gọi Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 2/2021; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022
64	Khu đô thị phía Đông thị trấn Ái Nghĩa	32,80		32,80	14,70	10,72	0,65	1,32													0,48		3,69	0,20	0,11			0,93		Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND ngày 29/9/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
65	Khu dân cư khu 5	42,27		42,27	10,37	4,00	14,30	0,18													0,23		7,40	0,27	0,05		2,34	3,13		Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND		Chuyển tiếp từ 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																			ngày 29/9/2021		
66	Khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa (khu T12 và mở rộng)	13,18		13,18	3,86	2,37	2,22	0,06								0,28					0,05		4,00	0,04				0,30		Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
67	Khu đô thị Tây sông Vu Gia	12,30		12,30		0,18	5,37	0,45															5,00					1,30		Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
68	Khu dân cư Trung An	13,40		13,40	2,40	1,08	1,93	0,11													1,20		3,70				2,98			Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2021, 2022
62	Khu dân cư Giáo Đông	35,00		35,00	13,00		9,70	0,33		0,85						2,44					0,73		6,07		0,19			1,69		Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 2/2021	Doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
69	Khu dân cư phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	49,40		49,40	22,60	0,66	9,80	1,64													2,70		8,10					2,33	1,57	Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 65/NQ-HĐND ngày 29/9/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022
70	Khu dân cư Song Mỹ	6,94		6,94	2,88		2,06	2,00																						Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục các dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021.	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																			HĐND ngày 8/12/2021		
71	Khu tái định cư đô thị Nam tuyến đường ĐT 609 (T13 – Giai đoạn 1)	0,23	0,13	0,10	0,10																									Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Thông báo số 457/TB-UBND ngày 26/8/2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc Kết luận của Chủ tịch UBND huyện – Lê Văn Quang tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các dự án khu dân cư, khu khai thác quỹ đất, khu tái định cư và việc tổ chức đấu giá QSD đất các khu đất trên địa bàn huyện	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
72	Khu đô thị Hòa An (giai đoạn 1)	9,68		9,68	8,54		0,14	1,00																						Thị trấn Ái Nghĩa		QĐ 3264/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh tên gọi quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 2/2021	Vốn doanh nghiệp	Doanh nghiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
SKN	**Đất cụm công nghiệp**	**131,03**	**3,70**	**127,33**	**17,61**		**10,77**	**19,38**		**70,73**	**0,11**						**0,04**				**0,25**	**0,69**						**7,75**									
73	Nhà máy sản xuất nội, ngoại thất và ván ghép thanh (Cụm CN Đại An)	1,12		1,12						1,12																				Thị trấn Ái Nghĩa	Lô CN5, Cụm công nghiệp Đại An	QĐ 2782/QĐ-UBND 1/10/2021 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, Dự án: Nhà máy sản xuất nội, ngoại thất và ván ghép thanh tại lô CN5, Cụm công nghiệp Đại An, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc.	Công ty TNHH MTV An Phú Đại Lộc	Công ty TNHH MTV An Phú Đại Lộc	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022
74	Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Ngân Khuê (thuộc CCN Đại An)	0,91		0,91						0,91																				Đại Hiệp; Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định chủ trương đầu tư số 2450/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh;	Công ty TNHH Ngân Khuê	Công ty TNHH Ngân Khuê	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85 NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022
75	Mở rộng Nhà máy ván ghép thanh và viên nén của Công ty TNHH MTV DVTH Thành Tâm (Cụm công nghiệp Mỹ An 2)	2,70		2,70	0,60			1,05		1,05																				Đại Quang		QĐ 2156/QĐ-UBND 02/8/2021 QĐ điều chỉnh chủ trương đầu tư, Dự án: Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và viên nén năng lượng tại Cụm công nghiệp Mỹ An 2, huyện Đại Lộc do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Thành Tâm làm nhà đầu tư.	Doanh nghiệp	Công ty TNHH DVTH Thành Tâm:	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 73 ngày 8/12/2020	chuyển từ 2019, 2021, 2022
76	CCN Đông Phú: Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật CCN (Tên 2021: Quỹ đất dự phòng để thu hút đầu tư (Cụm công nghiệp Đông Phú))	45,00		45,00	2,25		3,00	5,00		26,75											0,25							7,75		Đại Hiệp	bản đồ kh	UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định chấp thuận chủ trường đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2707/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 cho phép Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Tây Đà Nẵng thực hiện dự án; QĐ 3283/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh	Vốn doanh nghiệp	Công ty CP Đầu tư và XD Tây Đà Nẵng	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																Quảng Nam Về việc thay thế Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh về thành lập Cụm công nghiệp Đông Phú, xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc			ngày 8/12/2020		
77	Cụm công nghiệp Đại Hiệp (Nhà máy chế biến lâm sản - đồ gỗ xuất khẩu của Công ty TNHH Nội thất Lê Mịch)	2,00		2,00	0,70		0,85	0,19			0,11						0,04					0,11								Đại Hiệp		Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc quyết định chủ trương đầu tư (Công ty Lê Mịch)	Công ty TNHH Nội thất Lê Mịch Quảng Nam	Công ty TNHH Nội thất Lê Mịch Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
78	Cụm công nghiệp Đại Hiệp (Nhà máy sản xuất thiết bị điện và kho chứa thiết bị điện)	1,75		1,75	0,70			1,05																						Đại Hiệp		Quyết Nam về việc quyết định chủ trường đầu tư định số 273/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Vật liệu điện và cơ khí Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Vật liệu điện và cơ khí Đà Nẵng	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
79	Cụm công nghiệp Đại An (Dự án Cụm công nghiệp Đại An mở rộng)	10,58		10,58				8,58		2,00																				Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định 3239/QĐ-UBND 09/10/2019 Về việc điều chỉnh quy mô diện tích và giao nhiệm vụ chủ đầu tư (Đầu tư hạ tầng CCN của Công ty CP ĐT&XD hạ tầng Quảng Nam)	Công ty CP ĐT&XD hạ tầng Quảng Nam	Công ty CP ĐT&XD hạ tầng Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
80	Cụm công nghiệp Đại An (Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại An mở rộng, huyện Đại Lộc)	25,00		25,00						25,00																				Thị trấn Ái Nghĩa		Báo cáo kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại An mở rộng, huyện Đại Lộc	Công ty TNHH SX Khoáng sản Thanh Tâm	Công ty TNHH SX Khoáng sản Thanh Tâm	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
81	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 2 (Nhà máy sản xuất thiết bị điện, tủ bảng điện công nghệ cao)	1,43		1,43	1,05		0,24	0,06														0,08								Đại Nghĩa		Quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư định 1904/QĐ-UBND ngày 08/07/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Châu Giang	Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Châu Giang	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022
82	Phân xưởng may Phước Lộc – Công ty Phước Kỳ Nam	3,70	3,70																											Đại Nghĩa		Thông báo 494/TB-UBND ngày 13/9/2022 của UBND huyện Đại Lộc kết luận của Chủ tịch UBND huyện - Lê Văn Quang tại cuộc họp giao ban với các Phó chủ tịch huyện ngày 12/9/2022, tại gạch đầu dòng (-) thứ 2, mục 4	Công ty Phước Kỳ Nam	Công ty Phước Kỳ Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		
83	Cụm công nghiệp Đại Đồng 2 (Nhà máy SX tinh bột nghệ)	2,00		2,00	0,71		0,05	1,24																						Đại Đồng		Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Thông báo số 516/TB-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Đại Lộc	Công ty TNHH Thanh niên xung phòng Quảng Nam	Công ty TNHH Thanh niên xung phòng Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
84	Cụm công nghiệp Đại Đồng 2 (Nhà máy SX ván ép và NX cho thuê)	2,56		2,56						2,56																				Đại Đồng		Quyết UBND tỉnh định chủ trương đầu tư số 1138/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh	Công ty TNHH Danh Thông Quảng Nam	Công ty TNHH Danh Thông Quảng Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
85	CCN Đại Đồng 2: CCN Đại Đồng 2: Nhà máy chế biến hàng mây tre mộc mỹ nghệ xuất khẩu của Công ty Nghĩa Tín (3.7263ha)	3,73		3,73			3,73																							Đại Đồng		Kết luận số 05/KTTTr-UBND ngày 20/7/2022 của UBND huyện Đại Lộc. về tình hình quản lý và sử dụng đất của công ty TNHH Nghĩa Tín. Giấy CNĐT 13/CN-UBND ngày 04/5/2015		TT Phát triển QĐ&CCN	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		Chuyển tiếp năm 2021
86	CCN Đại Nghĩa 2: Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư (trong đó Công ty Phước Kỳ Nam xin mở rộng khoảng 0,4ha)	4,90		4,90	3,00			1,00		0,40												0,50								Đại Nghĩa		QĐ số 113/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh thành lập CCN Đại Nghĩa 2	CCN Đại Nghĩa 2 Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư Công ty Phước Kỳ Nam	CCN Đại Nghĩa 2 Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư Công ty Phước Kỳ Nam	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
87	CCN Ấp 5: Quỹ đất dự phòng thu hút đầu tư	3,20		3,20	1,99			1,21																						Đại Quang		QĐ 2201/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh thành lập CCN Ấp 5			NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
88	Kho chứa nguyên liệu, Kho chứa thành phẩm và khu xuất hàng tại CCN Đồng Mặn, xã Đại Hiệp của HTX CN-TTCCN Đại Hiệp	1,61		1,61	1,61																									Đại Hiệp		Công văn 2791/UBND-PTQĐ & CCN ngày 4/7/2022 vv UBND huyện Đại Lộc thỏa thuận nguyên tắc về địa điểm dự kiến thực hiện dự án đầu tư; Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam đang lấy ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	HTX CN-TTCCN Đại Hiệp	HTX CN-TTCCN Đại Hiệp	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022;	NQ 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	
89	Đầu tư hạ tầng CCN Đại Đồng 2	18,84		18,84	5,00		2,90			10,94																				Đại Đồng		Báo cáo Kết quả thẩm định số 321/BC-SKHĐT ngày 25/6/2021 của Sở KH&ĐT	Cty CP ĐT&XD Đại Lộc Thành	Cty CP ĐT&XD Đại Lộc Thành	NQ 68/NQ-HĐND ngày 9/12/2022; NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
2.2.	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**	**432,95**		**432,95**	**1,44**	**0,84**	**14,24**	**18,29**		**282,30**									**1,30**	**0,27**		**0,57**						**112,64**	**1,06**								
NKH	**Đất nông nghiệp khác**	**66,61**		**66,61**		**0,44**	**13,52**	**3,15**		**49,50**																											
90	Trang trại chăn nuôi gia súc ứng dụng công nghệ cao tại xã Đại Sơn	49,50		49,50						49,50																				Đại Sơn		Công văn số 880/SKHĐT-TT ngày 24/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam	Vốn doanh nghiệp	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Minh Tiến			chuyển tiếp từ 2022
91	Trang trại nông nghiệp sạch Huỳnh văn Đại Đồng	0,96		0,96		0,44	0,52																							Đại Đồng		Công văn số 2185/SKHĐT-DNĐT ngày 25/10/2021 của Sở KH&ĐT	Vốn doanh nghiệp	Công Ty TNHH Huỳnh Văn Đại Đồng			chuyển tiếp từ 2022
92	Vườn ươm cây giống nguyên liệu Đại Lộc	3,15		3,15				3,15																						Đại Nghĩa		QĐ 1085/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Công ty TNHH Nhất Hưng Đại Đồng	Công ty TNHH Nhất Hưng Đại Đồng			chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
121	Trung tâm sản xuất giống nông, lâm nghiệp công nghệ cao	13,00		13,00			13,00																							Đại Hiệp		Quyết định 261/QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2020 của Sở KHĐT; Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh	Công ty Cp Gỗ Công nghiệp Quảng Nam	Công ty Cp Gỗ Công nghiệp Quảng Nam	NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022		chuyển tiếp từ 2022
DYT	**Đất y tế**	**1,44**		**1,44**	**1,44**																																
93	Xây dựng bệnh viện đa khoa Toàn Mỹ	1,44		1,44	1,44																									Đại An		QĐ 1720/QĐ-UBND 11/6/2019 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư; NQ 20/2019NQ-HĐND 03/10/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụn	Công ty TNHH y khoa Toàn Mỹ Đại Lộc	Công ty TNHH y khoa Toàn Mỹ Đại Lộc		NQ 73 ngày 8/12/2020	chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022
ONT	**Đất ở nông thôn**	**6,38**		**6,38**				**5,81**														**0,57**															
94	Đấu giá đất để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng phục vụ nông thôn mới tại xã Đại Lãnh	0,57		0,57																		0,57								Đại Lãnh	phụ biểu kèm theo	Quyết định thu hồi đất, giao đất cho TT PTQĐ quản lý và khai thác quỹ đất số 2796/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh					
95	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,40		0,40				0,40																						Đại An	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				Đất BCS đã làm nhà
96	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,78		0,78				0,78																						Đại Chánh	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
97	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,61		0,61				0,61																						Đại Cường	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
98	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,35		0,35				0,35																						Đại Đồng	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
99	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	1,27		1,27				1,27																						Đại Hiệp	phụ biểu kèm theo	UBND huyện Đại Lộc ban hành Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 phê duyệt cục bộ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đại Hiệp; Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
100	Chuyển từ đất CLN sang đất ở cho các hộ có tên trong kết luận thanh tra: Nguyễn Chấp, Nguyễn Đình Quang, Nguyễn Văn Kiều, Nguyễn Duy Nhất, Nguyễn Đình Chánh, Trương Thanh Minh, Bùi Thị Bông, Lê Năm, Đỗ Sáu	0,40		0,40				0,40																						Đại Hiệp	phụ biểu kèm theo	Kết luận thanh tra số 01					
101	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,17		0,17				0,17																						Đại Hòa	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
102	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,09		0,09				0,09																						Đại Hồng	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
103	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,50		0,50				0,50																						Đại Minh	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
104	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,20		0,20				0,20																						Đại Nghĩa	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân			
105	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,07		0,07				0,07																						Đại Phong	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
106	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có	0,21		0,21				0,21																						Đại Quang	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
	nguồn gốc từ vườn ao)																																				
107	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,01		0,01				0,01																						Đại Sơn	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
108	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,23		0,23				0,23																						Đại Tân	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
109	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,16		0,16				0,16																						Đại Thắng	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
110	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	0,36		0,36				0,36																						Đại Thạnh	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
ODT	**Đất ở đô thị**	**2,90**		**2,90**				**2,90**																													
111	Chuyển mục đích sang đất ở (Đất cây lâu năm có nguồn gốc từ vườn ao)	2,90		2,90				2,90																						Thị trấn Ái Nghĩa	phụ biểu kèm theo	Theo đề nghị của xã và hộ gia đình cá nhân	Hộ gia đình cá nhân				
SKN	**Đất cụm công nghiệp**	**7,32**		**7,32**						**7,32**																											
112	Nhà máy sản xuất dược phẩm ứng dụng công nghệ cao (thuộc CCN Đại An)	7,32		7,32						7,32																				Đại Hiệp; Thị trấn Ái Nghĩa	bản đồ kh	QĐ chủ trương đầu tư 3903/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ AC&T;	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ AC&T;	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022
SKC	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp**	**11,68**		**11,68**			**0,72**			**3,40**										**0,27**								**6,23**	**1,06**								
113	Nhà máy may Xuân Đông	2,00		2,00																								2,00		Đại Thắng	Tờ BĐ số 08, thửa 612	QĐ 2398/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam quyết định chủ trương đầu tư	Công ty TNHH may Đại Thắng				chuyển từ 2017, 2020, 2021, 2022
114	Nhà máy nước sạch Vu Gia	1,06		1,06																									1,06	Đại Hồng		Quyết định sô 854 ngày 25/9/2019 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đại Hồng	Hợp tác xã Phú Gia An	Hợp tác xã Phú Gia An			chuyển tiếp từ 2022
115	Nhà máy nước Động Hà Sống	2,70		2,70						2,70																				Đại Đồng	bản đồ kh	QĐ 3264/QĐ-UBND 05/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Doanh nghiệp				chuyển tiếp từ 2022
116	Nhà máy nước Giao Thủy	0,27		0,27																0,27										Đại Hòa		Công văn 195/UBND-KTN ngày 12/01/2021	Ngân sách tỉnh				chuyển tiếp từ 2022
117	Nhà máy nước Phú Thuận	0,72		0,72			0,72																							Đại Thắng	534343 1749458 534311 1749499 534284 1749474 534217 1749418 534224 1749411 534218 1749397 534245 1749368	CV 651/CV-UBND ngày 27/1/2022 của UBND tỉnh					chuyển tiếp từ 2022
118	Mở rộng nhà máy tái chế dầu công nghiệp, dầu thải và thiêu hủy chất thải nguy hại	0,70		0,70						0,70																				Đại Hiệp		Công văn số 3905/UBND-KTN ngày 17/6/2022 về chấp thuận việc nhận chuyển nhượng QSD đất nông nghiệp để thực hiện dự án mở rộng	Công ty An Sinh	Công ty An Sinh			Chuyển tiếp từ 2021, 2022
119	Phân xưởng may giày da (Tên KH 2022: Nhà máy may thôn Tịnh Đông Tây)	2,13		2,13																								2,13		Đại Lãnh	thửa 510 tờ 12	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 11/1/2022 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư	Công ty Phước Kỳ Nam	Công ty Phước Kỳ Nam			chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 1/2022					
120	Phân xưởng may Đại Thắng – Công ty Phước Kỳ Nam	2,10		2,10																								2,10		Đại Thắng		Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh và phê duyệt danh mục dự án nghiên cứu đề xuất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đợt 4/2022	Công ty Phước Kỳ Nam	Công ty Phước Kỳ Nam			
SKX	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**	**261,64**		**261,64**				**6,43**		**148,80**																		**106,41**									
122	Mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường, ốp lát, đá mỹ nghệ Đại Chánh	2,90		2,90																								2,90		Đại Chánh		QĐ 2327/QĐ-UBND 02/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường, làm đá ốp lát, đá mỹ nghệ trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Thạnh Trung, xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam"	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lục Đông	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lục Đông			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
123	Khai thác đá làm VLXD thông thường	6,00		6,00																								6,00		Đại Đồng		QĐ 1738/QĐ-UBND 05/6/2014 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty Nhật Tiến	Công ty Nhật Tiến			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
124	Khai thác cát, sỏi Điểm mỏ ĐL11, thôn Hà Nha xã Đại Đồng	12,00		12,00																								12,00		Đại Đồng	1 1753074 5266872 1752961 5266773 1752912 5268514 1752762 5268015 1752648 5271926 1752964 527155	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
125	Khai thác cát, sỏi Điểm mỏ ĐL02, thôn Giao Thủy xã Đại Hòa	15,60		15,60																								15,60		Đại Hòa	1 1752414 5402782 1752578 5409863 1752348 5410404 1752201 540312	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
126	Khai thác đất san lấp (ĐLBS03) xã Đại Nghĩa	7,00		7,00						7,00																				Đại Nghĩa	Tờ DC 1 1 1759.2145 36.2682 1759.2375 36.0683 1759.1045 36.1104 1759.014	QĐ 590/QQD-UBND ngày 05/03/2021 phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu thông thường; Chấp thuận chủ trương đầu tư Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			chuyển tiếp từ 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																															
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS							
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																															535.8895 1758.898 535.9066 1758.802 536.0237 1758.964 536.0868 1759.033 536.1839 1759.160 536.286						
127	Khai thác đất san lấp (ĐLBS02)	12,00		12,00						12,00																				Đại Nghĩa	Tờ DC 1 1 1759.377 536.2062 1759.521 536.3003 1759.739 536.0814 1759.671 535.8495 1759.521 535.6796 1759.394 535.7727 1759.572 535.9938 1759.433 536.046	QĐ 2859/QQD-UBND ngày 19/10/2020 phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu thông thường; Chấp thuận chủ trương đầu tư Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			chuyển tiếp từ 2022
128	Khai thác đất san lấp (Điểm mỏ ĐLBS-04)	18,90		18,90						18,90																				Đại Nghĩa	1 1758.761 535.559 2 1758.754 535.225 3 1759.277 535.192 4 1759.450 535.326 5 1759.471 535.525 6 1759.163 535.631 7 1759.081 535.286 8 1758.814 535.382 9 1758.892 535.568	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
129	Bãi tập kết cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0,70		0,70																								0,70		Đại Phong		Công văn số 2091/UBND-KTN ngày 13/4/2021 và Công văn số 4710/UBND-KTN ngày 27/7/2021của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Tuấn Thành	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Tuấn Thành			chuyển tiếp từ 2022
130	Khai thác cát, sỏi	11,51		11,51																								11,51		Đại Phong		Công văn số 2091/UBND-KTN ngày 13/4/2021 và Công văn số 4710/UBND-KTN ngày 27/7/2021của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Tuấn Thành	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Tuấn Thành			chuyển tiếp từ 2022
131	Bãi tập kết cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Trường an và Phú Hương	0,30		0,30																								0,30		Đại Quang		Công văn số 2103/UBND-KTN ngày 14/4/2021 và Công văn số 4134/UBND-KTN ngày 07/7/2021của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH MTV DV tổng hợp thành tâm	Công ty TNHH MTV DV tổng hợp thành tâm			chuyển tiếp từ 2022
132	Khai thác cát, sỏi	3,00		3,00																								3,00		Đại Quang		Công văn số 2103/UBND-KTN ngày 14/4/2021 và Công văn số 4134/UBND-KTN ngày 07/7/2021của UBND tỉnh Quảng Nam	Công ty TNHH MTV DV tổng hợp thành tâm	Công ty TNHH MTV DV tổng hợp thành tâm			chuyển tiếp từ 2022
133	Đất san lấp vật liệu xây dựng thông thường điểm mỏ ĐL107, thôn Đông Lâm, xã Đại Quang	4,00		4,00						4,00																				Đại Quang	1 1756.443 530.181 2 1756.616 530.146 3 1756.571 529.928 4 1756.392 529.963	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
134	Bãi thải và khu chế biến Quang Minh Bảo	5,00		5,00						5,00																				Đại Quang		Quyết định 435/QĐ-UBND ngày 03/2/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam về cấp quyền khai thác và Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 về phê duyệt đánh giá tác động môi trường	Công ty Quang Minh Bảo	Công ty Quang Minh Bảo			
135	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường Quang Minh Bảo	15,00		15,00						15,00																				Đại Quang		Quyết định 435/QĐ-UBND ngày 03/2/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam về cấp quyền khai thác và Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 về phê duyệt đánh giá tác động môi trường	Công ty Quang Minh Bảo	Công ty Quang Minh Bảo			
136	Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường (Điểm mỏ ĐL-BS05, Gò Chè, thôn Tân Đợi, xã Đại Sơn)	30,90		30,90						30,90																				Đại Sơn	1 1747.792 515.518 2 1747.805 515.434 3 1747.705 515.427 4 1747.633 515.050 5 1747.053 515.213 6 1747.236 515.749	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
137	Khai thác cát, sỏi Điểm mỏ ĐL20, thôn Bãi Quả - Đồng Chàm, xã Đại Sơn	27,60		27,60																								27,60		Đại Sơn	1 1750663 513433	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																															2 1750524 513401 3 1750605 512821 4 1750578 512168 5 1750363 511554 6 1750513 511527 7 1750718 512142 8 1750750 512830	duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030					
138	Khai thác cát, sỏi Điểm mỏ ĐL02, thôn Giảng Hòa, xã Đại Thắng	26,80		26,80																								26,80		Đại Thắng	1 1750220 536093 2 1750727 537226 3 1750895 537104 4 1750442 536008	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
139	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Điểm mỏ ĐL33, thôn An Chánh, xã Đại Tân)	6,43		6,43				6,43																						Đại Tân	1 1750.232 531.717 2 1750.132 531.869 3 1750.440 532.144 4 1750.500 532.006	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vốn doanh nghiệp	Đấu giá			
140	Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường	28,00		28,00						28,00																				Đại Tân		Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND huyện Đại Lộc về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Công ty TNHH MTV TM DV Thiện Tâm	Công ty TNHH MTV TM DV Thiện Tâm			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
141	Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Nam Phước	28,00		28,00						28,00																				Đại Tân		QĐ 2663/QĐ-UBND 21/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Công ty cổ phần Đất Quảng	Công ty cổ phần Đất Quảng			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
TMD	**Đất thương mại dịch vụ**	**74,98**		**74,98**		**0,40**				**73,28**									**1,30**																		
142	Khu du lịch sinh thái sông Cùng	24,48		24,48						24,48																				Đại Lãnh	Tờ bản đồ số 1, Thửa 164, 194, 196,224	QĐ 3168/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam vv Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Dự án: Khu du lịch sinh thái Sông Cùng tại thôn Hà Dục Đông, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc của Hợp tác xã Đồng Tâm; QĐ chủ trương đầu tư 3327/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam	Hợp tác xã Đồng Tâm	Hợp tác xã Đồng Tâm			chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+ ...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
143	Khai thác quỹ đất thương mại dịch vụ tại thôn An Định xã Đại Đồng	0,40		0,40		0,40																								Đại Đồng		Thông báo số 122-TB/TU ngày 16/9/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam				NQ 73 ngày 8/12/2020	chuyển từ 2019, 2020, 2021, 2022
144	Khu Thương mại dịch vụ tại khu vực ngã tư Hòa Đông, thị trấn Ái Nghĩa	1,30		1,30															1,30											Thị trấn Ái Nghĩa	ngay ngã 4 Hòa Đông, đã có vị trí bản đồ quy hoạch	Nghị quyết sô 142/NQ-HĐND ngày 20/10/2021 của HĐND huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Theo Công văn số 2824/UBND-KTTH ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	TT Phát triển QĐ&CCN			
145	Khu du lịch suối nước nóng Chần Sơn	48,80		48,80						48,80																				Đại Hưng							chuyển tiếp từ 2022
III	**Công trình, dự án giao đất, cho thuê đất**	**10,77**	**10,21**	**0,56**																								**0,56**									
146	Nhà máy đá thạch anh nhân tạo Minh Tiến (CCN Áp 5)	6,30	6,30																											Đại Quang		QĐ 1695/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh đã được chấp thuận tại Quyết định chủ trương đầu tư số 180/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam; QĐ 3607/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 thu hồi đất do vi phạm tiến độ thực hiện dự án, giao Trung tâm phát triển CCN - TM - DV huyện Đại Lộc quản lý tại Cụm công nghiệp Áp 5, xã Đại Quang và xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tiến				đất đã thu hồi và giao cho TT CCN quản lý, đưa vào kế hoạch đề đầu tư, chuyển tiếp từ 2022
147	Nhà máy sản xuất viên nén Tâm Phúc Quảng Nam tại CCN Mỹ An 2 (Thu hồi đất cơ sở sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã Tiểu thủ Công nghiệp 27-7)	3,66	3,66																											Đại Quang		QĐ 456/QĐ-UBND ngày 9/3/2023 Về việc thu hồi đất của Hợp tác xã Tiểu thủ Công nghiệp 27-7 Đại Lộc tại Cụm công nghiệp Mỹ An 2, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc; Thông báo 59/TB-UBND ngày 10/4/2023 kết luận của chủ tịch UBND huyện - Lê Văn Quang tại buổi làm việc với công ty TNHH Tâm Phúc Quảng Nam về việc đầu tư dự án Nhà máy sản xuất nén Tâm Phúc Quảng Nam	Doanh nghiệp	Công ty TNHH Tâm Phúc Quảng Nam			đất đã thu hồi và giao cho TT CCN quản lý, đưa vào kế hoạch đề đầu tư
148	Trạm xử lý nước thải tại Khu 7, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	0,25	0,25																											Thị trấn Ái Nghĩa		Quyết định 902/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Đại Lộc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng xây dựng hạng mục công trình; Thông báo 38/TB-UBND ngày 20/4/2012 của UBND huyện Đại Lộc chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án	Ngân sách huyện	Phòng TNMT huyện			Giao đất theo hiện trạng
149	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Đại Lộc	0,56		0,56																								0,56		Đại Nghĩa		QĐ 2686/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt danh mục dự án đầu tư trên địa bàn	Doanh nghiệp (đấu giá)				chuyển tiếp từ 2022, đã đấu giá xong, đang

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																									Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi Chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																																
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	TMD	SKC	DGT	DTL	DVH	DGD	DTT	NTD	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	BCS	DCS								
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5=6+...30)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*
																																tinh đợt 1/2021					thực hiện giao đất 2023

Biểu 13/CH

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2023 HUYỆN ĐẠI LỘC

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Chu chuyển đất đai trong năm 2023																																											Cộng giảm	Diện tích cuối năm 2023
				NNP	LUA	LUC	HNK	CLN	RPH	RSX	RSN	NTS	NKH	PNN	CQP	CAN	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DHT	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	TON	NTD	DXH	DCH	DDL	DSH	DKV	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	PNK	CSD		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**57.905,66**																																														**671,81**	**57.905,66**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**47.519,73**	**46.916,36**									**65,65**	**537,72**	**11,09**	**0,36**	**99,89**	**73,68**	**4,12**		**155,23**	**84,00**	**49,27**	**3,60**		**1,54**			**1,06**				**0,05**	**28,10**		**0,38**		**0,20**		**31,10**	**78,05**							**537,72**	**46.982,01**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.320,64		5.239,98									80,66		0,36	13,91	0,40				20,99	14,94	3,60		1,44			0,63							0,38		0,10		8,69	36,21							80,66	5.239,98
	Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*5.106,85*			*5.032,47*								*74,38*		*0,36*	*13,91*					*18,76*	*13,09*	*3,60*		*1,44*			*0,63*									*0,10*		*8,67*	*32,58*							74,38	*5.032,47*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.004,31	13,00			2.927,01						13,00	64,30			7,87		0,72			12,68	12,53			0,10							0,05							8,11	34,92							77,30	2.927,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.082,66	3,15				2.016,97					3,15	62,54			19,38				6,43	15,61	8,61											7,00				0,10		14,10	6,92							65,69	2.016,97
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.972,97						17.970,54					2,43	2,00							0,43							0,43																				2,43	17.970,54
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	19.064,30	49,50						18.688,62			49,50	326,18	9,09		58,62	73,28	3,40		148,80	32,79	11,69											21,10						0,20								375,68	18.688,62
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																																															
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	41,32									41,21		0,11			0,11																															0,11	41,21
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	33,53										32,03	1,50								1,50	1,50																										1,50	97,68
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**9.035,39**											**9.003,18**			**0,98**	**1,30**	**0,27**			**10,15**	**10,48**						**0,63**				**0,10**							**7,44**	**9,95**	**1,06**							**9.707,20**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	59,85											0,11	59,74							**0,11**	0,11																									0,11	70,83
2.2	Đất an ninh	CAN	1.408,68													1.408,68																																	1.409,04
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	270,43														270,43																																	380,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,74											0,17				0,57				**0,17**	0,17																									0,17	76,11
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	133,75											1,27					132,48			**0,27**	0,27																			1,00							1,27	144,16
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	63,72																	63,72																														63,72
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	124,02																		124,02																													385,66
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.879,97											10,94			0,29	1,30	0,27			1.879,97	1,06																	1,10	6,92							9,88	1.968,69
	Đất giao thông	*DGT*	*878,62*											*1,01*									*877,61*																			*1,01*							*1,01*	*941,19*
	Đất thuỷ lợi	*DTL*	*234,23*											*3,60*			*0,04*					*0,04*	*0,04*	*230,63*																*0,79*	*2,73*							*3,60*	*234,23*
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	*DVH*	*3,01*																						*3,01*																									*3,01*
	Đất xây dựng cơ sở y tế	*DYT*	*11,02*																							*11,02*																								*12,56*
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	*DGD*	*56,45*											*2,30*				*1,30*									*54,15*														*1,00*							*2,30*	*54,15*
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	*DTT*	*37,60*											*0,58*					*0,27*									*37,02*												*0,31*								*0,58*	*37,02*
	Đất công trình năng lượng	*DNL*	*6,47*																										*6,47*																					*8,78*
	Đất công trình bưu chính viễn thông	*DBV*	*0,49*																											*0,49*																				*0,49*
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	*DDT*	*14,81*																												*14,81*																			*14,81*
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	*DRA*	*9,95*																													*9,95*																		*9,95*
	Đất cơ sở tôn giáo	*TON*	10,14																														10,14																	10,29
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	*NTD*	610,87											3,45			0,25					*1,02*	1,02											607,42							2,18								*3,45*	635,52
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	*DXH*	0,44																																0,44															0,44
	Đất chợ	*DCH*	5,87																																	5,87														6,25
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	117,64																																		117,64													117,64
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	30,23																																			30,23												30,43
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,25																																				3,25											3,25
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.181,92											6,56			0,69					5,87	5,14						0,63				0,10							2.175,36									6,56	2.217,05
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	243,69											2,77								2,71	2,71																		240,92	0,06							2,77	330,59
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,48											0,92								0,43	0,43																	0,45	0,04	17,56							0,92	20,48
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,97																																								0,97							0,97
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	38,50																																									38,50						38,50
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.425,52											6,49								0,59	0,59																	5,89	0,01				1.419,03				6,49	1.419,03
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.033,73											2,98																											2,98					1.030,75			2,98	1.030,75
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,30																																												0,30			0,30
3	**ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG**	**CSD**	**1.350,54**											**134,09**			**8,70**	**0,56**	**7,29**		**106,41**	**4,45**	**3,83**						**0,62**											**3,15**	**1,67**	**1,86**						**1.216,45**	**134,09**	**1.216,45**
	Cộng tăng		**671,81**										**65,65**	**671,81**	**11,09**	**0,36**	**109,57**	**75,54**	**11,68**		**261,64**	**98,60**	**63,58**	**3,60**		**1,54**			**2,31**				**0,15**	**28,10**		**0,38**		**0,20**		**41,69**	**89,67**	**2,92**								
	Diện tích cuối năm 2023			**46.982,01**	**5.239,98**	**5.032,47**	**2.927,01**	**2.016,97**	**17.970,54**	**18.688,62**		**41,21**	**97,68**	**9.707,20**	**70,83**	**1.409,04**	**380,00**	**76,11**	**144,16**	**63,72**	**385,66**	**1.968,69**	**941,19**	**234,23**	**3,01**	**12,56**	**54,15**	**37,02**	**8,78**	**0,49**	**14,81**	**9,95**	**10,29**	**635,52**	**0,44**	**6,25**	**117,64**	**30,43**	**3,25**	**2.217,05**	**330,59**	**20,48**	**0,97**	**38,50**	**1.419,03**	**1.030,75**	**0,30**	**1.216,45**		